

Bản án số: 46/2021/DS-ST

Ngày 22 - 9 - 2021

V/v “T/c hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diên**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Tiễn** và ông **Phạm Xoa**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 22.9.2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2020/TLST-DS ngày 23.11.2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày 24.5.2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-DS ngày 18.6.2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 36/2021/TB-TA ngày 14.7.2021 và Thông báo về việc mở phiên tòa số: 06/2021/TB-TA ngày 06.9.2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP X**. Trụ sở: số 72 L, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP X chi nhánh H. Địa chỉ: 259 N, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số: 217/2018/EIB/UQ-TGD ngày 28.12.2018; Giấy ủy quyền số: 214/2018/EIBHV/UQ-GĐ ngày 28.12.2018 và Giấy ủy quyền số: 08/2021/EIB/UQ-TGD ngày 15.01.2021), có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị T** - Sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 03 (tổ 02 mới), phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 - 6 - 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X trình bày:*

Ngày 26.10. 2010, bà Trịnh Thị T có ký với Ngân hàng TMCP X chi nhánh H Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế; số thẻ sử dụng VG 746196; số tài khoản thẻ: 160024849001454; hạn mức 50.000.000 đồng; các loại phí phải trả, trong đó phí tài chính (lãi vay) áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 19,2%/năm và được điều chỉnh theo thông báo áp dụng biểu phí tại từng thời điểm

của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, thì đến kỳ sao kê tháng 12.2012, bà Trịnh Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền tối thiểu và còn nợ 41.468.194 đồng. Tính đến ngày 24.5.2020, bà Trịnh Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP X số tiền là 4.558.299.668 đồng (gồm: nợ số dư kỳ trước 4.278.474.401 đồng, tiền lãi 104.580.000 đồng, phí trễ hạn 171.138.976 đồng, phí vượt hạn mức 4.106.291 đồng). Vì vậy, Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền nói trên.

Ngày 09.7.2021, Ngân hàng TMCP X có đơn:

- Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Trịnh Thị T về phần nợ lãi, phí, phạt cộng dồn tính đến ngày 24.5.2020 là 4.414.904.244 đồng.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24.5.2020 là 143.395.424 đồng (trong đó: nợ gốc 41.468.194 đồng, lãi trong hạn 67.951.478 đồng, lãi quá hạn 33.975.743 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 25.5.2020 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X giữ nguyên yêu cầu như đã nêu và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22.9.2021 là 166.751.447 đồng (trong đó: nợ gốc 41.468.194 đồng, lãi trong hạn 83.522.169 đồng, lãi quá hạn 41.761.084 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, kể từ ngày 23.9.2021 cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn bà Trịnh Thị T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định, nhưng bà T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử đình giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X. Buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tổng cộng là 166.751.447 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, kể từ ngày 23.9.2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị T thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Trịnh Thị T có nơi cư trú tại tổ 03 (02 mới), phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng nhưng trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bên Ngân hàng biết. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trịnh Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[1.3]. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Tại đơn khởi kiện đề ngày 16.6.2020, Ngân hàng TMCP X yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trịnh Thị T phải trả số tiền còn nợ là 4.558.299.668 đồng. Tuy nhiên ngày 09.7.2021, Ngân hàng TMCP X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.414.904.244 đồng. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X và có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hình thức hợp đồng: Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế) mà bà Trịnh Thị T ký với Ngân hàng TMCP X ngày 26.10.2010, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 122, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2]. Về nghĩa vụ thanh toán: Mặc dù bà Trịnh Thị T vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP X cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà bà Trịnh Thị T ký kết với Ngân hàng với mục đích tiêu dùng có hạn mức 50.000.000 đồng; số thẻ sử dụng VG 746196; số tài khoản thẻ: 160024849001454; hạn mức rút tiền mặt 40.000.000 đồng (tối đa 90% hạn mức cấp tín dụng); phí tài chính (lãi vay) áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 19,2%/năm (1,6%/tháng) và được điều chỉnh theo thông báo áp dụng biểu phí tại từng thời điểm của Ngân hàng; lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo hàng tháng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Trịnh Thị T đã thực hiện nhiều giao dịch và đến kỳ sao kê tháng 12.2012, bà T còn nợ số tiền gốc là 41.468.194 đồng nhưng không thanh toán.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 9 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, thì bà Trịnh Thị T đã vi phạm nghĩa vụ như cam kết. Việc Ngân hàng TMCP X khởi kiện, yêu cầu bà Trịnh Thị T phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 471, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 cần được chấp

nhận. Do đó, buộc bà Trịnh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày 22.9.2021 là 166.751.447 đồng (trong đó: nợ gốc 41.468.194 đồng, lãi trong hạn 83.522.169 đồng, lãi quá hạn 41.761.084 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, kể từ ngày 23.9.2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết ngày 26.10.2010.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP X được chấp nhận, nên bà Trịnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.337.572 đồng (166.751.447 đồng x 5%).

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 471, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với số tiền 4.414.904.244 đồng và có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với bà Trịnh Thị T.

Xử:

1. Buộc bà Trịnh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày 22.9.2021 là 166.751.447 đồng (trong đó: nợ gốc 41.468.194 đồng, lãi trong hạn 83.522.169 đồng, lãi quá hạn 41.761.084 đồng).

Kể từ ngày 23.9.2021, bà Trịnh Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết ngày 26.10.2010. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất

của Ngân hàng cho vay.

**2. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm bà Trịnh Thị T phải chịu là 8.337.572 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.279.000 đồng theo Biên lai thu số 9268 ngày 07.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Phạm Văn Diện**